

Nghị quyết số.../2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công khi không có người khởi kiện (sau đây gọi tắt là vụ án dân sự công ích).

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Viện kiểm sát nhân dân (sau đây gọi là Viện kiểm sát), người tiến hành tố tụng thuộc Viện kiểm sát thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn để khởi kiện vụ án dân sự công ích; Tòa án nhân dân (sau đây gọi là Tòa án), người tiến hành tố tụng thuộc Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án dân sự công ích theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Người tham gia tố tụng trong vụ án dân sự công ích;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc khởi kiện và giải quyết vụ án dân sự công ích được thực hiện theo Nghị quyết này; trường hợp Nghị quyết này không quy định thì áp dụng quy định tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trước khi khởi kiện, Viện kiểm sát kiến nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát chỉ khởi kiện khi không có chủ thể khác khởi kiện.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát và Tòa án trong quá trình Viện kiểm sát, Tòa án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị quyết này bảo đảm việc khởi kiện và giải quyết vụ án dân sự công ích kịp thời, đúng pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Vụ án dân sự công ích* là vụ án dân sự do Viện kiểm sát khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền để yêu cầu Toà án bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công khi không có cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khởi kiện.

2. *Nhóm dễ bị tổn thương* gồm:

- a) Trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em;
- b) Người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi;
- c) Người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;
- d) Phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật;
- đ) Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự;
- e) Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. *Lợi ích công* là lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc các lĩnh vực sau đây:

- a) Tài sản công, đầu tư công;
- b) Đất đai, môi trường, tài nguyên khác;
- c) An toàn thực phẩm, dược phẩm;
- d) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. *Trường hợp không có người khởi kiện* gồm:

- a) Pháp luật chưa quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có quyền, trách nhiệm khởi kiện;
- b) Pháp luật đã quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện nhưng cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không khởi kiện.

5. *Quyền dân sự* của nhóm dễ bị tổn thương được Viện kiểm sát khởi kiện để bảo vệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

Điều 4. Trường hợp Viện kiểm sát khởi kiện

1. Qua tiếp nhận thông tin từ các nguồn quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 10 và đã tiến hành kiểm tra, xác minh theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết này, Viện kiểm sát xác định có vi phạm gây thiệt hại đến quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công; sau khi đã thông báo cho các chủ thể có liên quan và kiến nghị với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết này nhưng không có chủ thể nào khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện.

2. Trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc theo thẩm quyền, Viện kiểm sát phát hiện có vi phạm gây thiệt hại đến quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công nhưng không thể giải quyết trong cùng vụ án, vụ việc đó; sau khi đã thông báo cho các chủ thể có liên quan và kiến nghị với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết này nhưng không có chủ thể nào khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện.

Điều 5. Thẩm quyền xét xử vụ án dân sự công ích

1. Tòa án khu vực có thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự công ích. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được xác định theo thứ tự sau đây:

a) Tòa án nơi cư trú, làm việc của cá nhân, nơi có trụ sở chính của tổ chức là bị đơn. Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì Viện kiểm sát có thể yêu cầu một trong các Tòa án ở nơi đó giải quyết. Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì Viện kiểm sát có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết;

b) Tòa án nơi xảy ra hành vi vi phạm;

c) Tòa án nơi xảy ra hậu quả thiệt hại.

2. Trường hợp đối tượng bị thiệt hại là bất động sản thì Tòa án có thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án khu vực nơi có bất động sản. Nếu bất động sản có ở nhiều nơi khác nhau thì Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm là Tòa án khu vực nơi có một trong các bất động sản đó.

3. Trường hợp vụ án dân sự công ích được phát hiện qua nguồn thông tin quy định khoản 3 Điều 10 Nghị quyết này thì Tòa án có thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án khu vực đã hoặc đang giải quyết vụ án, vụ việc đó. Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện qua giải quyết vụ án, vụ việc ở cấp tỉnh hoặc cấp trung ương thì thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích

1. Viện kiểm sát khu vực tương ứng với Tòa án khu vực có thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự công ích có quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích.

2. Trường hợp xét thấy cần thiết hoặc vụ án phức tạp, quy mô, giá trị thiệt hại lớn hoặc xảy ra trên địa bàn nhiều khu vực, nhiều tỉnh hoặc có yếu tố nước

ngoài thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát cấp tỉnh khởi kiện hoặc phân công cho Viện kiểm sát cấp dưới khu vực khởi kiện vụ án dân sự công ích.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin về hành vi xâm phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công;
2. Kiểm tra, xác minh; thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ;
3. Yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền, tài sản, bảo đảm thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án;
4. Yêu cầu tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả;
5. Đình chỉ việc kiểm tra, xác minh;
6. Thông báo cho các chủ thể có liên quan, kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện vụ án dân sự công ích theo quy định của pháp luật và hỗ trợ việc khởi kiện;
7. Khởi kiện vụ án dân sự công ích;
8. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết vụ án dân sự công ích, thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Điều 8. Các biện pháp kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ

1. Thu thập, uỷ thác thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử, vật chứng;
2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang lưu giữ, quản lý;
3. Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản; trưng cầu ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn;
4. Lấy lời khai, tiến hành đối chất;
5. Xem xét, thẩm định tại chỗ, kiểm tra, đánh giá hiện trường;
6. Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện hoặc Viện kiểm sát.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của

Viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; hết thời hạn này mà không thực hiện thì trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định, yêu cầu định giá hoặc được trưng cầu ý kiến chuyên môn có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát.

Chương II

XÁC MINH THÔNG TIN VÀ THU THẬP CHỨNG CỨ CỦA VỤ ÁN DÂN SỰ CÔNG ÍCH

Điều 10. Nguồn thông tin của vụ án dân sự công ích

1. Thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến Viện kiểm sát;
2. Thông tin được phản ánh từ phương tiện truyền thông hoặc dư luận xã hội;
3. Viện kiểm sát phát hiện qua vụ án, vụ việc khác;
4. Nguồn thông tin hợp pháp khác.

Điều 11. Tiếp nhận thông tin, thụ lý, kiểm tra, xác minh

1. Khi tiếp nhận thông tin của vụ án dân sự công ích theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết này, nếu thấy có căn cứ thì Viện kiểm sát ra quyết định thụ lý, tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này để đánh giá tính xác thực của sự việc; tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm; tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả thiệt hại xảy ra.

2. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, Viện kiểm sát xử lý như sau:

- a) Thông báo cho các chủ thể có liên quan và kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định của pháp luật;
- b) Đình chỉ việc kiểm tra, xác minh.

Điều 12. Đình chỉ việc kiểm tra, xác minh

1. Viện kiểm sát quyết định đình chỉ kiểm tra, xác minh trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có hành vi xâm phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công;
- b) Hành vi xâm phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công đã chấm dứt và hậu quả đã được khắc phục;
- c) Đã có chủ thể khác khởi kiện vụ án dân sự;
- d) Chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương bị xâm phạm quyền dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ đề nghị không khởi kiện.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ việc kiểm tra, xác minh, Viện kiểm sát gửi quyết định đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 13. Thông báo và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm thực hiện việc khởi kiện

1. Khi xác định quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công bị xâm phạm, Viện kiểm sát thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Thông báo cho các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc người đại diện hợp pháp của họ; tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm;

b) Ban hành kiến nghị với cơ quan, tổ chức quản lý theo ngành, lĩnh vực được giao phụ trách để khởi kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, kiến nghị của Viện kiểm sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Viện kiểm sát về việc thực hiện quyền, trách nhiệm khởi kiện.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Viện kiểm sát hỗ trợ khởi kiện khi có đề nghị.

4. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không khởi kiện hoặc Viện kiểm sát không nhận được văn bản trả lời trong thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Viện kiểm sát xem xét, quyết định việc khởi kiện.

Chương III

KHỞI KIẾN, THỤ LÝ,

GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ CÔNG ÍCH

Điều 14. Quyết định khởi kiện vụ án dân sự công ích

1. Viện kiểm sát ban hành Quyết định khởi kiện vụ án dân sự công ích khi cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 13 Nghị quyết này không khởi kiện.

2. Viện kiểm sát gửi quyết định khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi của bị đơn xâm phạm quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự công ích. Quyết định khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây:

a) Tên Viện kiểm sát khởi kiện vụ án dân sự công ích;

b) Tên, địa chỉ của bị đơn;

c) Tên, địa chỉ của người được bảo vệ quyền dân sự;

d) Tên, địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng;

đ) Quyền, lợi ích bị xâm phạm;

e) Yêu cầu khởi kiện và lý do khởi kiện.

3. Trong vụ án dân sự Viện kiểm sát khởi kiện để bảo vệ lợi ích công thì bị đơn không có quyền đưa ra yêu cầu phản tố.

4. Khi khởi kiện vụ án dân sự công ích, Viện kiểm sát không phải nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Điều 15. Trách nhiệm thụ lý vụ án của Toà án

Toà án có trách nhiệm thụ lý vụ án dân sự công ích do Viện kiểm sát khởi kiện. Trường hợp cần làm rõ các nội dung trong quyết định khởi kiện thì Toà án yêu cầu Viện kiểm sát xem xét bổ sung.

Điều 16. Nguyên tắc tiến hành hoà giải

Vụ án dân sự Viện kiểm sát khởi kiện để bảo vệ lợi ích công không được hòa giải.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên tại phiên tòa

1. Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa; nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

2. Khi tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Công bố quyết định khởi kiện vụ án dân sự công ích;
- b) Trình bày, giải thích các chứng cứ đã được Viện kiểm sát thu thập, kiểm tra, xác minh;
- c) Tranh luận và phát biểu ý kiến tại phiên tòa;
- d) Thay đổi, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện;
- e) Tiến hành các hoạt động tố tụng khác để kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự công ích theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Toà án nhân dân tối cao, các cơ quan có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết trong báo cáo công tác hằng năm và kết quả tổng kết khi kết thúc việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được thực hiện trong 03 năm tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Đắk Lắk.

2. Thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành mà vụ án dân sự công ích được giải quyết theo quy định của Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn